

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 25/01/2021  
V/v: Ly hôn giữa bà L, ông B.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Sỹ Cây.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Nhụ, cán bộ nghỉ hưu thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ.
2. Bà Nguyễn Thị Chung, cán bộ hưu thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Khắc Thử, Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Kim Phụng, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 204/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 28/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2020, các Quyết định hoãn phiên tòa số 11A/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/9/2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 14/01/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973. (có mặt)

Cư trú: Thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L.*

Ông Nguyễn Văn Hà. Luật sư VPLS Hà L và cộng sự - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt)

Địa chỉ: Số 32B, phố Hoàng Như Tiếp, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Tá B, sinh năm 1973. (có mặt)

Cư trú: Thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B.*

Bà Phạm Thu Hà. Luật sư VPLS Trung Hòa, chi nhánh Bắc Ninh. (có mặt)

Địa chỉ: thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

1. Ủy ban nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn Tuấn, Chủ tịch UBND.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Hữu Nhân, Phó trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện (đề nghị vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Tá Sáu, sinh năm 1970. (có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1971. (có mặt)

Đều cư trú: Thôn Bát Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Sáu, bà Hương.*

Bà Phạm Thu Hà. Luật sư VPLS Trung Hòa, chi nhánh Bắc Ninh. (có mặt)

4. Anh Nguyễn Tá Bằng, sinh năm 1996. (có mặt)

5. Anh Nguyễn Tá Bắc, sinh năm 1998. (có mặt)

Đều cư trú: Thôn Bát Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai của phía bà L, lời khai của các đương sự khác trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Bà Nguyễn Thị L kết hôn với ông Nguyễn Tá B vào năm 1995, kết hôn do hai bên tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi làm lễ cưới vợ chồng về chung sống cùng với gia đình ông B, khi đó gia đình có mẹ ông B, vợ chồng ông Sáu, bà Hương là anh trai và chị dâu ông B. Vợ chồng chung sống khoảng 1, 2 tháng thì được gia đình cho ra ở riêng, ban đầu cuộc sống cũng hạnh phúc và vợ chồng đã có với nhau 02 con chung. Dần dần cuộc sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn và ngày càng trở lên trầm trọng.

*Theo phía bà L trình bày:* Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2006 thì nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do ông B đi làm sau đó chơi bời ngoài xã hội, không quan tâm gì đến vợ con. Đến năm 2011 thì ông B gần như bỏ đi chỉ thì thoảng mới về khi nhà có công việc gì lớn. Vợ chồng ly thân từ đó và gần như chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng bà được ly hôn.

*Phía ông Nguyễn Tá B trình bày:* Ông B xác nhận nội dung việc ông kết hôn cùng với bà Nguyễn Thị L như bà L đã trình bày là đúng. Vợ chồng ông mâu thuẫn với nhau đã trầm trọng. Kể từ năm 2011 đến nay vợ chồng sống ly thân hầu như không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng đã hết nên ông cũng thuận tình ly hôn như yêu cầu của bà L.

*Về con chung:* Bà L, ông B đều thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tá Bằng, sinh năm 1996 và Nguyễn Tá Bắc, sinh năm 1998. Nay cả hai con chung đã thành niên nên ông bà không có yêu cầu gì về việc chăm sóc con chung.

*Về tài sản chung:*

*Phía ông B trình bày:* Vợ chồng ông hiện đang ở trên thửa đất số 162, tờ bản đồ địa chính số 25 đất thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Trên thửa đất có một ngôi nhà 02 tầng và 01 ngôi nhà cấp 4 đã cũ nát. Thửa đất này theo ông B thì có nguồn gốc do anh trai ông là Nguyễn Tá Sáu mua được của địa phương từ khoảng năm 1992- 1993, sau đó cho vợ chồng ông ở nhờ. Đến thời điểm năm 2007 thì được Ủy ban nhân dân huyện Quế Võ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) tên hộ ông Nguyễn Tá B, bà Nguyễn Thị L. Tuy nhiên theo ông thì việc làm sổ đỏ này là do bà L tự ý đi làm gia đình ông không hay biết gì. Nay vợ chồng ly hôn ông đề nghị Tòa án xác định thửa đất này là tài sản của ông Sáu chứ không phải của vợ chồng ông và không phân chia khi vợ chồng ly hôn. Đối với ngôi nhà trệt 2 tầng ông xác định là do vợ chồng làm từ năm 2009. Nay ông đề nghị Tòa án chia khối tài sản chung là ngôi nhà 2 tầng này.

*Phía bà Nguyễn Thị L trình bày:* Trong thời gian chuẩn bị xét xử bà L không khai về nguồn gốc thửa đất số 162, tại phiên tòa mở ngày 20/8/2020 bà khai thửa đất do ông Sáu mua của địa phương theo diện nhà có 2 con trai. Sau đó gia đình đã cho vợ chồng bà sử dụng thửa đất này và bà cũng đã trả cho ông Sáu số tiền mua đất là 1.000.000 đồng vào thời điểm năm 1995, sau đó thì vợ chồng bà ra ở thửa đất này từ năm 1995 đến nay. Đến năm 2007 thì thửa đất được UBND huyện Quế Võ cấp sổ đỏ cho vợ chồng bà. Thời điểm cấp sổ đỏ địa phương có tiến hành công khai, cả làng đều biết chứ không phải bà lén lút đi làm như phía ông Bảy đã khai. Nay thửa đất đã được cấp sổ đỏ cho vợ chồng bà và đến thời điểm này các cháu Bằng, và cháu Bắc cũng đã thành niên và đang ở trong hộ gia đình nên bà đề nghị nếu Tòa án chia tài sản theo yêu cầu của ông B thì phải chia làm 04 phần; Bà, ông B, cháu Bằng, cháu Bắc mỗi người một phần. Bà cũng không chấp nhận ý kiến của ông B đề nghị Tòa án xác định thửa đất là của ông Sáu như ông B đã khai. Đối với yêu cầu đòi đất của vợ chồng ông Sáu, bà Hương bà cũng không nhất trí vì thửa đất là tài sản của gia đình bà chứ không phải của ông Sáu, bà Hương. Về tài sản khác bà trình bày; Năm 1995 sau khi lấy ông B thì vợ chồng có làm một ngôi nhà cấp 4 để ở tạm, sau đó đến năm 2009 thì làm được ngôi nhà trệt 2 tầng có công trình phụ bếp, nhà vệ sinh. Đến năm 2015 thì bà với hai con là anh Bằng với anh Bắc có làm thêm mái tôn chống nóng trên tầng 3 của ngôi nhà hai tầng. Nay ly hôn bà đề nghị nếu phải chia đất thì Tòa án chia làm 4 phần, bà, ông B, cháu Bằng, cháu Bắc mỗi người được  $\frac{1}{4}$ , còn số tài sản là ngôi nhà cùng các công trình xây dựng khác thì bà đề nghị được sử dụng.

*Phía ông Nguyễn Tá Sáu, bà Nguyễn Thị Hương trình bày:* Thửa đất số 162, tờ bản đồ số 25 đất thôn Bất Phí do vợ chồng ông bà mua của thôn từ năm 1993, mua theo diện tự do vì khi đó thôn làm đường điện nên cần tiền đã bán đất cho dân. Đến năm 1995 sau khi vợ chồng anh B, chị L lấy nhau thì vợ chồng ông có làm 3 gian nhà nhỏ trên thửa đất và cho vợ chồng anh B, chị L ra đó ở riêng. Ông xác định chỉ cho vợ chồng anh B, chị L ở nhờ chứ không cho hẳn. Kể từ đó vợ chồng anh B chị L ở trên thửa đất, đến năm 2007 chị L đi làm sổ đỏ đất nhưng vợ chồng ông bà cũng không biết, chỉ đến năm 2019 khi vợ chồng ly hôn thì ông bà mới biết đất đã mang tên sổ đỏ là anh B, chị L. Thời điểm năm 2009 vợ chồng anh B chị L làm nhà

trần vợ chồng ông cũng không có ý kiến phản đối gì. Nay ông Sáu, bà Hương xác định đất là của vợ chồng ông bà. Ông Sáu bà Hương đề nghị Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 134482 do UBND huyện Quế Võ cấp ngày 5/11/2007 (vào sổ số H01088) mà UBND huyện Quế Võ đã cấp cho anh B, chị L và yêu cầu vợ chồng anh B, chị L phải trả lại thửa đất cho vợ chồng ông bà.

*Anh Nguyễn Tá Bằng, anh Nguyễn Tá Bắc trình bày:* Các anh là con của ông B, bà L, thời điểm các anh sinh ra thì bố mẹ các anh đã ở trên thửa đất số 162 này rồi. Tuy nhiên hiện nay các anh cũng đã trưởng thành, đất được cấp sổ đỏ cho hộ gia đình trong đó có các anh nên nay bố mẹ các anh ly hôn. Ý kiến của anh Bằng, anh Bắc là đề nghị Tòa án chia đất làm 4 phần, mỗi người 01 phần, phần của hai anh thì để cho bà L sử dụng. Đối với ngôi nhà trần xây dựng trên thửa đất là tài sản của bố mẹ hai anh nhưng công sức, tiền nong để xây chủ yếu là của bà L. Đến năm 2015 thì hai anh cùng với mẹ đã làm thêm phần chống nóng trên tầng 2, số tài sản này nếu phải phân chia hai anh để cho mẹ quản lý sử dụng.

*Đại diện UBND huyện Quế Võ có ý kiến:* Sau khi xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà L, ông B thì thấy: Thửa đất 162, tờ bản đồ số 25 đất thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa có nguồn gốc là do Hợp tác xã thôn Bất Phí cấp cho vợ chồng ông B, bà L từ năm 1992 và được thể hiện tại tờ khai xác định mốc thời gian sử dụng đất cũng như tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chữ ký của ông B. Hồ sơ đã được UBND xã Nhân Hòa tiến hành lập đầy đủ, công khai. Chủ sử dụng đất và ông Nguyễn Tá B có ký đơn xin cấp giấy, có ký tờ khai xác định mốc thời gian sử dụng đất. Hồ sơ đã được thẩm tra đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được UBND huyện Quế Võ cấp giấy chứng nhận cho chủ sử dụng đất. Do vậy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện Quế Võ cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tá B đối với thửa đất số 162, tờ bản đồ số 25 tại thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa vào năm 2007 là hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật. Nên việc ông Sáu, bà Hương yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Quế Võ đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tá B đối với thửa đất nêu trên là không có căn cứ. UBND huyện đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của ông Sáu, bà Hương.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành thẩm định, tiến hành thỏa thuận giá khôi tài sản có tranh chấp với kết quả sau:

Về thửa đất: Thửa đất số 162, tờ bản đồ số 25 đất thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh có tứ cận hướng Tây Nam giáp đường đi của xóm; hướng Tây Bắc giáp đất nhà bà Ngô Thị Chon; hướng Đông Bắc giáp nhà đất của ông Nguyễn Tá Thành; hướng Đông Nam giáp nhà đất gia đình ông Nguyễn Công Sứ. Thửa đất có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 256m<sup>2</sup> nhưng theo kết quả thẩm định hiện trạng là 248,0m<sup>2</sup>, có giá trị xác định được là 1.500.000 đồng/1m<sup>2</sup>, tổng giá trị thửa đất là 372.000.000 đồng.

Trên thửa đất có 01 ngôi nhà 2 tầng, nhà trần bê tông cốt thép, tường xây gạch 220. Ngôi nhà nằm về ½ hướng Đông Nam của thửa đất có tổng diện tích

146,6m<sup>2</sup> và có giá trị còn lại là 219.900.000 đồng. Ngôi nhà có phần tum lợp mái tôn trên tầng 2 có diện tích 93,3m<sup>2</sup>, có giá trị còn lại 15.000.000 đồng. Thẩm định phần trước ngôi nhà 2 tầng có 01 mái tôn hiên có diện tích 17,9m<sup>2</sup> có giá 2.000.000 đồng. Phía sau ngôi nhà có khu vệ sinh, bếp có diện tích 18,7m<sup>2</sup> có giá trị còn lại 13.000.000 đồng. Ngoài ra theo kết quả thẩm định số tài sản còn có 01 sân gạch đỏ diện tích 67,0m<sup>2</sup>; 01 ngôi nhà cấp 4 đã cũ không còn mái và cũng không sử dụng được có diện tích 32,3m<sup>2</sup>; sân bê tông cũ diện tích 9,7m<sup>2</sup>; nhà vệ sinh đã cũ có diện tích 3,4m<sup>2</sup>. Số tài sản này đều đã xây dựng từ lâu và không còn giá trị sử dụng nên các đương sự thống nhất xác định không còn giá trị sử dụng.

Tổng giá trị khối tài sản chung của vợ chồng là 606.900.000 đồng. Giá trị phần mái tôn chống nóng tầng 2 là 15.000.000 đồng.

Tại phiên tòa mở ngày 21/9/2020 phía ông B cho rằng việc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do bà L tự ý đi làm chứ không phải ông đi làm. Bà L khai làm thủ tục cấp sổ đỏ là ông B, ông B đã ký hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không phải bà. Do các bên có tranh chấp nhau nên ông B có đề nghị Tòa án trung cầu giám định chữ ký trong hồ sơ cấp sổ đỏ có phải do ông ký ra hay không. Tòa án đã tiến hành ngừng phiên tòa và trung cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh tiến hành giám định chữ ký của ông B trong “Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” và trong “Tờ khai xác định mốc thời gian sử dụng đất” viết ngày 10/9/2005 có phải của ông B ký ra hay không. Tại kết luận giám định số 168/KLGĐTL-PC09 ngày 16/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Ninh đã kết luận chữ ký “B” trong tờ khai và trong đơn không phải của ông B ký ra.

Tại phiên tòa hôm nay phía bà L vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa hai vợ chồng. Ông B cũng nhất trí với yêu cầu đề nghị ly hôn của bà L, hai bên đều thuận tình ly hôn.

Về yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng: Tại phiên tòa ông B rút toàn bộ yêu cầu giải quyết việc phân chia tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản nữa. Phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vợ chồng ông Nguyễn Tá Sáu, bà Nguyễn Thị Hương cũng rút yêu cầu đòi vợ chồng ông B, bà L phải trả lại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 25 đất thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Ông Sáu, bà Hương cũng rút yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 134482 do UBND huyện Quế Võ cấp ngày 5/11/2007 (vào sổ số H01088) mà UBND huyện Quế Võ đã cấp cho anh B, chị L.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông B, ông Sáu, bà Hương nhất trí với đề nghị rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản của ông B, nhất trí với đề nghị rút yêu cầu đòi đất và hủy sổ đỏ của ông Sáu, bà Hương. Phía bà L cũng như Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà L đề nghị Tòa án xem xét phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tiến hành tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án: Về tố tụng, quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng khác và phía các đương sự

trong vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm phải kiến nghị khắc phục.

Về giải quyết vụ án: Tại phiên tòa hôm nay cả bà L và ông B đều thuận tình ly hôn nên cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thuận tình ly hôn. Về con chung do các con đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Về nội dung giải quyết về tài sản do ông B là người yêu cầu rút yêu cầu chia tài sản chung. Vợ chồng ông Sáu, bà Hương cũng rút yêu cầu đòi lại đất và yêu cầu hủy sổ đỏ nên căn cứ Điều 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của ông B, đình chỉ xét xử yêu cầu đòi đất và yêu cầu hủy sổ đỏ của ông Sáu, bà Hương. Về án phí và các chi phí tố tụng khác các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Từ nội dung trên:*

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn của bà Nguyễn Thị L, yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn Tá B thuộc quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Yêu cầu giải quyết tranh chấp về đòi tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt của ông Nguyễn Tá Sáu, bà Nguyễn Thị Hương thuộc quy định tại khoản 2 Điều 26; Điều 34 của Bộ Luật tố tụng dân sự nên việc Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu của bà L, ông B, ông Sáu, bà Hương là có căn cứ.

[2]. Về nội dung giải quyết.

[2.1 ]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L kết hôn với ông Nguyễn Tá B vào năm 1995, kết hôn do hai bên tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc và cũng đã có với nhau 02 con chung. Tuy nhiên sau đó cuộc sống vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng không có sự hòa hợp trong cuộc sống, ông B cũng thiếu sự quan tâm đến gia đình. Kể từ năm 2011 đến nay vợ chồng hầu như không còn chung sống với nhau nữa, ông B không còn chung sống với vợ con mà ra bên ngoài để ở chỉ thi thoảng có công việc mới về nhà. Vợ chồng coi như chấm dứt quan hệ tình cảm. Nay bà L có yêu cầu ly hôn, phía ông B thấy tình cảm vợ chồng cũng đã không còn, ông cũng nhất trí thuận tình ly hôn nên cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn của bà L, ông B xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà L và ông B.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tá Bằng, sinh năm 1996 và Nguyễn Tá Bắc, sinh năm 1998. Do anh Bằng, anh Bắc đã thành niên nên không xem xét giải quyết việc nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Tại phiên tòa phía người có yêu cầu chia tài sản chung là ông B rút yêu cầu chia tài sản. Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Sáu, bà Hương rút yêu cầu đòi vợ chồng ông B, bà L phải trả lại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 25 đất thôn Bát Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh,

rút yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 134482 do UBND huyện Quế Võ cấp ngày 5/11/2007 (vào sổ số H01088) mà UBND huyện Quế Võ đã cấp cho ông B, bà L đối với thửa đất số 182 nên căn cứ vào Điều 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự cần đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của ông B, đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của ông Sáu, bà Hương.

Về ý kiến của bà L cũng như ý kiến của Luật sư Nguyễn Văn Hà đề nghị Tòa án xem xét chia tài sản chung vợ chồng, thấy rằng; Theo đơn khởi kiện ly hôn thì bà L không có yêu cầu chia tài sản chung, quá trình chuẩn bị xét xử vụ kiện bà L có ý kiến nếu phải phân chia tài sản chung thì phải chia làm 4 phần. Đây là ý kiến của bà L về yêu cầu phân chia tài sản của ông B chứ không phải là yêu cầu chia tài sản chung của bà L. Bà L cũng chưa nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản nên ý kiến đề nghị chia tài sản của bà L tại phiên tòa không được chấp nhận để giải quyết.

[2.4]. Về án phí và chi phí thẩm định, chi phí giám định tài liệu: Bà L tự nguyện chịu cả số tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Ông B không phải chịu án phí chia tài sản. Ông Sáu, bà Hương không phải chịu án phí đối với yêu cầu độc lập. Ông B phải chịu chi phí thẩm định tài sản, chi phí giám định tài liệu.

*Bởi các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 26; Điều 34; Điều 244; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa Bà Nguyễn Thị L với ông Nguyễn Tá B.

2. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của ông Nguyễn Tá B. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi lại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 25 đất thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh và yêu cầu đề nghị tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 134482 do UBND huyện Quế Võ cấp ngày 5/11/2007 (vào sổ số H01088) mà UBND huyện Quế Võ đối với thửa đất số 162 tờ bản đồ số 25 đất thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh của vợ chồng ông Nguyễn Tá Sáu, bà Nguyễn Thị Hương.

Đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu đòi tài sản, yêu cầu hủy quyết định cá biệt theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí, chi phí thẩm định, chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0000687 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ được trừ vào số tiền án phí mà bà L phải chịu.

Ông B không phải chịu án phí dân sự chia tài sản. Hoàn trả ông B số tiền 6.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000809 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Ông Sáu, bà Hương không phải chịu án phí dân sự. Hoàn trả ông Sáu, bà Hương số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002339 ngày 20/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Ông B phải chịu 5.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định tài sản và 3.000.000 đồng tiền chi phí giám định tài liệu (Xác định ông B đã nộp số tiền này).

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Quế Võ.
- Chi cục THADS huyện Quế Võ.
- UBND xã Nhân Hòa, h Quế Võ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Sỹ Cây**